

HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ LAO ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HCM QUA 20 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

PGS.PTS. NGUYỄN THÀNH XƯƠNG

Phó hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế thuộc Đại học Quốc gia TP.HCM

Trong 20 năm xây dựng và phát triển của trường ĐHKHT, bên cạnh những cố gắng lớn lao trong việc tổ chức đào tạo với nhiều loại hình và nhiều cấp học khác nhau, nhà trường đã hết sức coi trọng công tác nghiên cứu khoa học và kết hợp nghiên cứu khoa học với lao động sản xuất, coi đó là một trong hai nhiệm vụ chủ yếu của mình. Đặc biệt trong những năm gần đây, thực hiện Nghị quyết 26 - NQ/TW của Bộ chính trị về "Khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới", Nghị quyết hội nghị trung ương 4 về "Tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo"; Nghị quyết trung ương 7 về "Phát triển công nghiệp và công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa" đất nước; được sự chỉ đạo chặt chẽ của Bộ giáo dục - đào tạo, sự hỗ trợ của các địa phương, ban ngành và các trường bạn, trường Đại học Kinh tế TP.HCM đã tập trung nhiều sức lực tạo ra được một bước chuyển biến căn bản trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, thực sự kết hợp nghiên cứu khoa học - lao động sản xuất (NCKH - LĐSX), gắn nhà trường với thực tiễn, thực hiện học đi đôi với hành.

Trong 20 năm qua, hoạt động NCKH - LĐSX đã góp phần không nhỏ vào thành tích chung của trường, thực sự xứng đáng với Huân chương lao động hạng nhất do Chủ tịch nước tặng nhân dịp kỷ niệm 20 năm thành lập trường.

Bài viết dưới đây trình bày tóm lược những nét chủ yếu về hoạt động NCKH - LĐSX của trường Đại học Kinh tế TP.HCM qua 20 năm xây dựng và phát triển.

I. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG NCKH - LĐSX VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

• Quán triệt quan điểm của Đảng xem khoa học và công nghệ như là một động lực quan trọng của công cuộc đổi mới để định hướng cho hoạt động NCKH - LĐSX, trong những năm qua trường đã xác định những mục tiêu chủ yếu của hoạt động này là:

1. Đẩy mạnh hoạt động NCKH

để đổi mới chương trình, nội dung các môn học, xây dựng hệ thống tài liệu học tập nhằm đáp ứng yêu cầu của việc đổi mới mục tiêu và nâng cao chất lượng đào tạo.

Mục tiêu này xuất phát từ điều kiện do nền kinh tế đã chuyển từ kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường, nên mục tiêu đào tạo của trường đại học cũng phải thay đổi và kéo theo là sự thay đổi nội dung, chương trình các môn học.

Đây là vấn đề sống còn của nhà trường trước đòi hỏi của công cuộc đổi mới, nhằm đảm bảo cho sản phẩm của mình - những cử nhân kinh tế thích ứng được với đòi hỏi của cuộc sống.

2. Thông qua NCKH để nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ nghiên cứu của đội ngũ cán bộ giảng dạy, tạo điều kiện cho đội ngũ này có thể đáp ứng tốt hơn yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ xã hội.

3. Từ NCKH của trường, góp phần vào việc giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn công cuộc đổi mới đất nước, nhất là giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội.

4. Đẩy mạnh NCKH thông qua các hợp đồng nghiên cứu nhằm góp phần đổi mới công tác quản lý của các đơn vị tổ chức kinh tế.

Thông qua mục tiêu thứ 3 và thứ 4 mà gắn nhà trường với xã hội, phát huy vai trò là trung tâm NCKH kinh tế; đồng thời, từ những kết quả nghiên cứu này mà tạo thêm chất liệu cho việc đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

5. Đẩy mạnh hoạt động NCKH trong hợp tác quốc tế (HTQT), tranh thủ thêm kinh phí, tiếp cận và học hỏi thêm phương pháp, kinh nghiệm NCKH của nước ngoài để bồi dưỡng và nâng cao năng lực nghiên cứu và cơ sở vật chất phục vụ yêu cầu hoạt động khoa học của trường.

• Từ những mục tiêu trên, hoạt động NCKH - LĐSX của trường tiến hành trên các mặt sau đây:

1. NCKH phục vụ việc đổi mới nội dung, chương trình đào tạo và biên soạn tài liệu học tập.

Ở lĩnh vực này trường đã triển

khai các hoạt động chủ yếu sau đây:

a. Khuyến khích đội ngũ GS, PGS, TS, PTS, GVC, GV tham gia biên soạn tài liệu học tập.

Trong thời kỳ đổi mới, đặc biệt là khi các môn học mới chiếm tỷ trọng cao, việc khuyến khích đội ngũ CBGD tham gia biên soạn tài liệu là nhằm hạn chế tới mức thấp nhất hiện tượng học "chay" của sinh viên.

Để hỗ trợ cho công tác này, trường đã ra qui chế biên soạn, biên dịch, in ấn tài liệu học tập. Với những qui định hết sức mở, đội ngũ giáo viên của trường phát huy tinh thần chủ động tìm tòi, học hỏi để biên dịch, biên soạn các tài liệu học tập.

b. Tạo cơ chế hỗ trợ kinh phí cho việc biên soạn tài liệu học tập.

Dựa vào nguồn kinh phí của "Chương trình giáo trình đại học" do Thứ trưởng Trần Chí Đáo làm chủ nhiệm, kết hợp với quỹ tự có, trường đã sớm có cơ chế khuyến khích về mặt tài chính đối với các chủ biên. Cụ thể:

- Cho vay theo báo giá nhà in không tính lãi trong vòng 5 đến 6 tháng cho mỗi đầu sách, chủ biên và các tác giả được hưởng lợi nhuận.

- Trả thù lao theo đơn vị học trình, trả chi phí văn phòng phẩm...

Những chủ trương trên đã thực sự mở ra giai đoạn mới trong công tác biên soạn tài liệu học tập của trường trong những năm qua. Với trên dưới 230 đầu sách được ấn hành bao gồm: giáo trình, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng, bài tập... đã đáp ứng được việc học tập cho 27 môn học của giai đoạn 1 và hơn 200 chương trình môn học cho 11 chuyên ngành đào tạo của trường.

Sau nhiều năm thực hiện cơ chế mở và khuyến khích việc biên soạn tài liệu học tập, trường đã chủ trương từng bước đưa hoạt động này vào nề nếp. Trên cơ sở qui chế về công tác biên soạn tài liệu học tập, nhà trường đã hình thành nên những hội đồng chuyên ngành mà nòng cốt là hội đồng môn học để thẩm định các tài liệu học tập. Việc đăng ký biên dịch, biên soạn tài liệu học tập... cũng được giao cho các giáo sư, tiến sĩ và giảng

viên, những người có trình độ và kinh nghiệm nghề nghiệp cao.

Với cách làm trên, nhiều tài liệu học tập của trường đã được xã hội thừa nhận. Tuy chất lượng còn mặt này, mặt khác song nó đã đáp ứng được tài liệu cho người học trong điều kiện đổi mới nội dung và chương trình, mục tiêu đào tạo không chỉ trong phạm vi nhà trường với qui mô trên dưới 30 ngàn sinh viên, mà còn được dùng ở nhiều trường khác. Đúng như đánh giá của Hội nghị hiệu trưởng các trường đại học tháng 8.94 "mặc dù đội ngũ các nhà khoa học, cán bộ giảng dạy có kinh nghiệm còn mỏng, song nhờ sự cố gắng năng động của đội ngũ các nhà khoa học, toàn thể giáo viên trường Đại học Kinh tế TP.HCM đã có nhiều thành tích đáng kể trong việc biên soạn và phát hành tài liệu học tập đáp ứng yêu cầu học tập của sinh viên".

2. NCKH phục vụ việc hoạch định chính sách của Đảng và nhà nước

Đây là nội dung lớn của hoạt động NCKH trong 20 năm qua của trường ĐHKT TP.HCM. Việc xác định ưu tiên hàng đầu cho hoạt động NCKH trong việc tham gia vào việc nghiên cứu hoặc góp ý vào chủ trương chính sách lớn của Đảng và nhà nước xuất phát từ vị trí của trường trong khu vực và đất nước.

Bằng hình thức đăng ký tham gia nghiên cứu hoặc "đấu thầu" các chương trình, đề tài trọng điểm của nhà nước trong từng thời kỳ, trường đã huy động được hầu hết các nhà khoa học tham gia nghiên cứu.

Giai đoạn 1976 - 1980: xuất phát từ đặc điểm của một vùng đất nước mới được giải phóng, nhiệm vụ điều tra, quy hoạch tổng thể về tài nguyên thiên nhiên, về nguồn lực... của các tỉnh phía Nam, đặc biệt là TP.HCM và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long là chương trình trọng điểm của nhà nước mà trường chính thức đăng ký tham gia.

Đề tài xây dựng cấp huyện trên cơ sở điều tra, phân tích tiềm năng của mỗi huyện mà xây dựng phương hướng sản xuất phù hợp do GS.TS. Nguyễn Tấn Lập làm chủ nhiệm, được thực hiện tại TP.HCM, các huyện của Minh Hải, An Giang, Tiền Giang... vào những năm 1978 - 1980 là mở đầu cho việc thực hiện NCKH - LDSX trên qui mô lớn đòi hỏi có cơ sở khoa học, ý nghĩa thực tiễn, và kết quả được đánh giá cao của lãnh đạo các cấp như là phần thưởng cao quý và sự ghi nhận đầy đủ về thành tích NCKH của trường thời kỳ này.

Tiếp theo là các đề tài: "Điều tra, phân tích tổng hợp kinh tế xã hội Đồng bằng sông Cửu Long" thuộc chương trình 60 - B, do PGS. Đào Công Tiến chủ trì; đề tài: "Đối mới

công tác quản lý ngành cao su" thuộc chương trình 40 - A, do PTS. Trần Đình Thêm chủ trì... đã dần dần khẳng định được vị trí của đội ngũ giáo viên của Trường Đại học Kinh tế TP.HCM trên địa bàn phía Nam.

Đối với chương trình cấp nhà nước, ngoài việc đăng ký hoặc đấu thầu, trường có nhận nhiệm vụ nghiên cứu theo chỉ đạo của Ban bí thư và Chính phủ.

Năm 1989, trường là một trong 6 đơn vị được Đảng và nhà nước giao nhiệm vụ nghiên cứu "Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000", "Chương trình xây dựng CNXH ở nước ta", "Cải cách hệ thống tiền lương quốc gia". Gần đây nhất (tháng 7.1995), trường Đại học Kinh tế đã được các đồng chí lãnh đạo Đảng, chính phủ giao phát biểu một số vấn đề kinh tế xã hội phục vụ cho việc hình thành văn kiện của đại Hội VIII. Ý thức được nhiệm vụ, với tinh thần khẩn trương, trường huy động 50 nhà khoa học đầu đàn ở các ngành đào tạo tham gia nghiên cứu đề tài để góp ý kiến, đặc biệt là những bài học rút ra của 10 năm đổi mới và vấn đề cần giải quyết, để tiếp tục tháo gỡ vướng mắc trong quá trình phát triển đất nước trong thời gian tới.

Ngoài ra, đội ngũ khoa học của trường còn tham gia các chương trình nhà nước ở các chuyên đề:

- Chuyên đề 07 trong đề tài KX.03-06 do GS.TS. Trần Văn Chánh làm chủ nhiệm về "Đối mới quản lý doanh nghiệp trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần".

- Chuyên đề 11 trong đề tài KX.03.07 do PTS. Trần Đình Thêm làm chủ nhiệm.

- Đặc biệt gần đây, đề tài KX.03.21C về "Các biện pháp kinh tế tổ chức quản lý để phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn Nam bộ" do PGS. Đào Công Tiến làm chủ nhiệm đã được nghiệm thu kết quả xuất sắc.

Tất cả các đề tài, chuyên đề tham gia trong các chương trình nhà nước đều đã được nghiệm thu và đạt chất lượng tốt.

Số lượng đề tài tăng lên không ngừng: Giai đoạn 76 - 86 có 2 đề tài, giai đoạn 86 - 96 có 10 đề tài.

Các đề tài của trường đều được đánh giá là có sắc thái, đặc trưng riêng của một vùng kinh tế năng động thuộc khu vực phía nam.

Bên cạnh đó, còn phải kể đến một số công trình thuộc hệ thống các đề tài cấp Bộ đã hoàn thành và nghiệm thu góp phần vào việc làm phong phú thêm về mặt lý luận, làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách kinh tế của Đảng và nhà nước trong từng thời kỳ, đặc biệt là các chính

sách phù hợp cho khu vực phía nam.

3. Nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản của khoa học quản lý

Hoạt động NCKH thuộc nội dung này là hệ thống các đề tài cấp Bộ, cấp trường thực hiện trong vòng một đến hai năm. Các đề tài khoa học cấp Bộ được coi như là một trong những nhiệm vụ chủ yếu và thường xuyên của đội ngũ CB - GV nhà trường. Trong những năm qua, các đề tài đăng ký nghiên cứu đã bao gồm được hầu hết các nội dung cần nghiên cứu phục vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn TP.HCM, các tỉnh phía Nam và các ngành, phục vụ yêu cầu đổi mới quản lý, phục vụ giảng dạy và học tập.

Các đề tài cấp Bộ cũng không ngừng tăng thêm về số lượng: 12 đề tài giai đoạn 1976 - 1985 đã tăng lên 67 đề tài ở giai đoạn 1986 - 1995.

Việc hoàn thành đúng tiến độ nghiên cứu, kết quả nghiệm thu đạt khá và xuất sắc của các đề tài cấp Bộ đã góp phần làm sáng tỏ hơn nữa khả năng kết hợp lý luận và thực tiễn của đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu của trường. Đồng thời, từng bước xác lập vị trí của trường đối với xã hội, vị trí của các nhà khoa học thông qua năng lực nghiên cứu.

4. Nghiên cứu những vấn đề đặt ra từ thực tiễn hoạt động kinh tế xã hội và sản xuất kinh doanh.

Nội dung nghiên cứu này được thực hiện thông qua các hợp đồng nghiên cứu giữa trường với các cơ quan, đơn vị và các doanh nghiệp.

Việc ký kết các hợp đồng nghiên cứu với các cơ quan, doanh nghiệp, công ty của các đơn vị trong trường trong những năm qua đã tăng lên đáng kể. Nếu như trong vòng 10 năm (1976 - 86) chỉ có từ 8 - 10 đề tài và thường chỉ ở qui mô nhỏ như: qui hoạch mạng lưới CN - TTCN quận 6 (đề tài đặt hàng của Liên hiệp xí nghiệp quận 6); đề tài "Kết hợp 3 lợi ích theo tinh thần quyết định 25 và 26/CP về kế hoạch 3 phần" của Sở lao động TP.HCM... thì giai đoạn 1991 - 1995 đã tăng lên đáng kể, bình quân từ 4 - 5 đề tài một năm. Nhiều đề tài trong số đó đã được cơ quan ký kết nghiệm thu và đánh giá cao về khả năng ứng dụng vào thực tiễn quản lý sản xuất của đơn vị.

5. NCKH trong hoạt động hợp tác quốc tế

Trên cơ sở chính sách mở cửa của Đảng và nhà nước trong những năm qua, trường đã chủ động mở rộng nhiều mối quan hệ song phương và đa phương trong HTQT, nhằm: tranh thủ nguồn kinh phí từ bên ngoài hỗ trợ cho các hoạt động, tăng cường tài liệu học tập, củng cố và phát triển cơ sở vật chất, bồi dưỡng đội ngũ CB - GV của trường...

Đẩy mạnh NCKH trong HTQT

là một chủ trương đúng đắn. Nó không chỉ nâng cao năng lực nghiên cứu, cải thiện đời sống của CB - GV mà còn tạo điều kiện để đội ngũ của trường tiếp cận, cọ xát với khoa học tiên tiến của thế giới hiện đại.

Trong quan hệ với Ủy ban Kinh tế xã hội châu Á - Thái Bình Dương của LHQ (ESCAP), trường đã đăng ký tham gia đề tài "Vấn đề di chuyển lao động nữ ra các đô thị trong quá trình đô thị hóa" do PGS.PTS. Nguyễn Thành Xương làm chủ nhiệm, hoàn thành năm 1991, được đánh giá cao và được tổ chức ESCAP cho in thành nhiều thứ tiếng để phát hành như tài liệu chính thức của ESCAP.

Quan hệ với đại học Yonsei (Hàn Quốc), trường đã được bạn đặt hàng nghiên cứu đề tài "Phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn ở Đồng bằng sông Cửu Long", do PGS. Đào Công Tiến chủ trì.

Ngoài ra, còn một số đề tài khác qui mô tuy nhỏ nhưng có giá trị như:

- Đề tài "Tín dụng nông thôn" làm theo hợp đồng với Trung tâm phát triển nguồn nhân lực nông thôn Á Châu - Philippines gọi tắt là CENDHRA.

- Đề tài "Tín dụng với các doanh nghiệp nhỏ", thực hiện theo sự tài trợ của Đại học Quebec - Montreal - Canada.

Ngoài các hoạt động phối hợp nghiên cứu, trường tổ chức nhiều "tour nghiên cứu" cho giáo viên và sinh viên các nước trên thế giới đến để tìm hiểu nền kinh tế xã hội VN như: Đại học Ohio (Mỹ), Nghee Ann Polytechnic (Singapore), Đại học Erasmus (Hà Lan).

Hoạt động NCKH gắn với HTQT ở trường Đại học Kinh tế TP.HCM là có hiệu quả. Có thể nói, sẽ không thực hiện được việc giảng dạy, biên soạn tài liệu học tập với các môn học mới nếu không có HTQT.

6. NCKH trong sinh viên

Học đi đôi với hành, phương châm đó được trường quán triệt và thể hiện cụ thể bằng nhiều chủ trương, trong đó có chủ trương kết hợp giữa trang bị kiến thức trên lớp và tạo điều kiện cho sinh viên tham gia nghiên cứu.

Chủ trương đó đặc biệt được quan tâm trong giai đoạn 1986 - 1996. Đó là việc:

- Tăng cường các hình thức tiểu luận chuyên đề nghiên cứu trong học tập của sinh viên.

- Tạo điều kiện cho sinh viên tham gia vào các công trình nghiên cứu của giáo viên.

- Khuyến khích sinh viên nghiên cứu các đề tài độc lập.

Đặc biệt, nhận thức được yêu cầu nâng cao khả năng nghiên cứu của sinh viên ngày càng tăng, trường đã

ban hành qui chế NCKH trong sinh viên, làm cơ sở để tổ chức NCKH trong sinh viên trong đó kết hợp chặt chẽ vai trò của trường (thông qua phòng QLKH) với Đoàn thanh niên, Hội sinh viên. Trường dành một phần kinh phí tương đối lớn cho sinh viên tham gia NCKH, bình quân mỗi đề tài từ 2 - 5 triệu.

Trường kết hợp việc tổ chức nghiên cứu thường xuyên của sinh viên trong suốt năm học với những phong trào được phát động vào những thời điểm nhất định, theo những chương trình cụ thể của trường, của Thành Đoàn và của Bộ GD - ĐT.

Kết quả của chủ trương và những cố gắng đó là liên tục trong các năm từ 1988 đến 1996, số lượng công trình NCKH của sinh viên thực hiện tăng nhanh, đặc biệt là loại hình công trình có gắn với đề tài tốt nghiệp của sinh viên cuối khóa. Nhiều công trình nghiên cứu của sinh viên được tuyển chọn để tham gia các cuộc thi sáng tạo trẻ. Đặc biệt những năm 1990 - 1991, 2 sinh viên của trường là Ngô Anh Vũ và Phạm Du Liêm đã đoạt giải nhì cuộc thi NCKH sinh viên do Bộ tổ chức. Năm 1995, trường có 3 sinh viên đạt giải NCKH trong kỳ thi của Bộ, được Bộ GD - ĐT cấp bằng khen. Ngoài ra liên tục trong các năm Thành Đoàn có tổ chức các cuộc thi NCKH trong sinh viên, trường ta đều tham gia và đạt thứ hạng cao.

Đó mới chỉ là bề nổi của kết quả. Phần kết quả khó nhìn thấy là năng lực nghiên cứu độc lập của các thế hệ sinh viên giai đoạn 1986 - 1996 đã nâng lên một bước so với trước. Điều đó được kiểm nghiệm bởi sự đánh giá của các đơn vị có sinh viên của trường công tác.

7. NCKH trong lao động sản xuất

NCKH kết hợp với LĐSX trong trường thực hiện theo tinh thần Nghị định 35/CP của Thủ tướng chính phủ và Quyết định 901/GD - ĐT của Bộ trưởng Bộ GD - ĐT, được thực hiện thông qua các trung tâm và Công ty TNHH In Kinh tế.

Trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học Kinh tế (CESAIS) được thành lập giữa năm 1989 với chức năng tổ chức nghiên cứu theo hợp đồng đối với các đơn vị trong và ngoài nước, đồng thời làm tư vấn cho các dự án kêu gọi đầu tư.

Với chức năng trên, trung tâm đã thu hút được sự cộng tác của đồng đảo các nhà khoa học trong và ngoài trường, Trung tâm đã hoạt động theo hướng lấy thu bù chi, đảm bảo có lãi, đồng thời thực hiện các nghĩa vụ đối với trường và cấp trên.

Trong thời gian gần đây CSAIS đã thực hiện được 22 đề tài nghiên cứu theo hợp đồng với các công ty trong và ngoài nước. Tổng doanh thu

là 855,073 triệu đồng và 53.500 USD.

Ngoài trung tâm CSAIS, trường có các trung tâm: tin học, dân số - lao động, giới thiệu tư vấn việc làm cho sinh viên.

Mỗi trung tâm có loại hình hoạt động riêng, song nhìn chung đã thực hiện được đầy đủ yêu cầu của Nghị định 35, Quyết định 901; đã thực sự là chiếc cầu nối giữa trường với các hoạt động xã hội.

Công tác thông tin và trao đổi những vấn đề khoa học, những công trình nghiên cứu của đội ngũ CBGV nhà trường cũng được chú ý đúng mức. Tạp chí Phát triển kinh tế là tạp chí trong danh mục của ngành được Bộ văn hóa - thông tin cấp giấy phép, ra đều đặn hàng tháng cả bản tiếng Việt và bản tiếng Anh. Riêng bản tiếng Anh đã lên mạng Internet của Công ty Chamber World Network (CWN) của Đức từ tháng 10/1995 và công ty Financial Time Information (FT) của Anh từ tháng 9.96 sau khi CWN trở thành thành viên của FT. Trong mỗi kỳ xuất bản có gần 50% số bài là của cán bộ, giáo viên trong trường. Tạp chí đã trở thành nền tảng trao đổi những vấn đề khoa học, những công trình nghiên cứu của đội ngũ CBGV của trường với xã hội. Chất lượng và uy tín của tạp chí ngày càng cao, số lượng bạn đọc ngày càng nhiều hơn.

II. NHỮNG YẾU KÉM VÀ BÀI HỌC RÚT RA

Đánh giá 20 năm NCKH - LĐSX, chúng ta có một cái nhìn tổng quát và xuyên suốt về toàn bộ quá trình phấn đấu của trường. Có thể khẳng định rằng 20 năm qua, chúng ta đã có những bước phát triển mạnh, vững chắc trên tất cả các lĩnh vực NCKH. Tuy nhiên, bên cạnh đó, chúng ta còn có những hạn chế, những yếu kém đáng phải quan tâm và tập trung giải quyết. Đó là cơ sở để chúng ta rút ra những bài học cho chặng đường NCKH sắp tới:

1. Cần phải khai thác tốt nguồn lực trí tuệ của trường cho hoạt động NCKH

Nhìn lại chặng đường đã qua, chúng ta có thể thấy rõ sự chưa đồng đều giữa các đơn vị và cá nhân trong NCKH. Lực lượng nghiên cứu chủ yếu tập trung trong một bộ phận giáo viên, cán bộ khoa học. Số còn lại hầu như chưa coi trọng đến nhiệm vụ này hoặc có chăng chỉ là tham gia biên soạn tài liệu học tập để sử dụng trực tiếp cho bài giảng của mình. Có nhiều nguyên nhân, song chủ yếu là:

- Thứ nhất, ý thức NCKH chưa được đề cao trong mỗi cán bộ nghiên cứu và giáo viên.

- Thứ hai, tổ chức triển khai hoạt động NCKH chưa đồng bộ, sâu rộng và hiện pháp dụng viên, theo dõi, kiểm tra chưa chặt chẽ.

- Thứ ba, do nhu cầu về đào tạo ngày càng lớn, do sự bùng nổ của các hình thức đào tạo với thù lao giảng dạy cao hơn hẳn thù lao NCKH, đội ngũ nghiên cứu của trường bị cuốn hút vào việc giảng dạy.

- Thứ tư, hoạt động NCKH muốn được đẩy mạnh cần phải có kinh phí. Song những năm qua, nhiệm vụ nghiên cứu mà nhà nước giao cho trường ngày càng tăng, trong khi kinh phí cấp quá ít, lại không tăng để theo kịp yêu cầu phát triển chung.

Chặng đường 20 năm qua đã chỉ ra rằng, chỉ khi nào chúng ta huy động rộng rãi và tổ chức đồng bộ, chặt chẽ bằng các biện pháp kinh tế, động viên và biện pháp hành chính thì việc khai thác tiềm năng trí tuệ của đội ngũ khoa học mới được đẩy đủ và tạo nên một bước phát triển thực sự mạnh mẽ trong NCKH.

2. Nâng cao chất lượng các công trình nghiên cứu

Một thực tế phải nghiêm túc nhìn nhận là, ngoại trừ một số công trình nghiên cứu đạt chất lượng cao, được các cấp lãnh đạo Đảng, nhà nước, Bộ chủ quản và các cơ quan thừa nhận, hầu hết chất lượng các đề tài chưa cao, chưa tương xứng với tầm vóc của trường. Đã đến lúc, NCKH của trường chúng ta cần phải phát triển về chất, về chiều sâu chứ không chỉ là về qui mô và số lượng.

Hiện nay, kết cấu và trình độ đội ngũ của chúng ta cho phép và đòi hỏi chất lượng cao của các công trình NCKH.

3. Qui chế hóa hoạt động NCKH

Thực tế ở trường ta cho thấy, muốn đẩy mạnh và làm tốt công tác NCKH phải tiến hành qui chế hóa hoạt động này, cụ thể là:

- Phải cụ thể hóa các chủ trương của Đảng ủy, BGH, Công đoàn... thành những văn bản rõ ràng, cụ thể.

- Phải tiến tới qui trình hóa công tác tổ chức trên cơ sở các qui chế liên quan NCKH đã ban hành để thực hiện quản lý được sát sao tiến độ thực hiện các đề tài.

- Hình thức khen thưởng kỷ luật phải xác đáng.

Những năm qua, trong quá trình qui chế hóa, chúng ta đã có chuyển biến tốt. Về ý đồ, chúng ta đã là một trong những trường đi tiên phong về tổ chức nghiên cứu theo qui chế. Tiếc rằng, do những nguyên nhân này hay khác, việc qui trình hóa tổ chức nghiên cứu của chúng ta còn chậm.

4. Bài học về tận dụng các cơ hội

Những năm qua, chúng ta đã nhiều lần thành công trong việc tận dụng cơ hội. Có thể đơn cử như khi Bộ có chủ trương cho vay vốn biên soạn tài liệu học tập, trường đã chủ trương thực hiện khuyến khích với cơ

chế thoái ngỏ về xét duyệt. Nhờ vậy, chỉ trong vòng 5 năm, trường đã biên soạn và ấn hành được trên 200 đầu sách phục vụ kịp thời cho giảng dạy và học tập.

Tuy nhiên, trong những năm qua, chưa phải là chúng ta đã tận dụng hết các cơ hội để đẩy mạnh NCKH. Đó là các cơ hội quan hệ hợp tác trong và ngoài nước.

- Thứ nhất, trong các mối quan hệ với nước ngoài, chúng ta có quan hệ với khoảng trên 20 trường, viện, tổ chức xã hội và kinh tế trên thế giới nhưng chúng ta thực hiện được chưa tới 10 đề tài dạng HTQT thì quả là một lãng phí lớn.

- Đối với các mối quan hệ trong nước: chúng ta có hàng chục ngàn sinh viên đã ra trường, công tác trên địa bàn của tất cả các tỉnh phía Nam, trong tất cả các ngành kinh tế kỹ thuật; với rất nhiều mối quan hệ với các cơ quan kinh tế và chính quyền của các tỉnh thành phía Nam, chúng ta có một ưu thế rất lớn về mối liên hệ với thực tiễn nhưng cũng chưa khai thác hết thế mạnh của những mối quan hệ này.

5. Giải quyết vấn đề kinh phí nghiên cứu là một trong những điều kiện quan trọng nhất để đẩy mạnh NCKH

Những năm qua, kinh phí nghiên cứu các đề tài cấp Bộ, cấp nhà nước quá ít, do đó đội ngũ nghiên cứu của trường không quan tâm. Một trường đại học với trên 350 giáo viên và cán bộ nghiên cứu nhưng hàng năm chỉ có khoảng trên chục đề tài đăng ký cấp Bộ. Khi được duyệt thì hầu hết các đề tài không được triển khai vì quá ít kinh phí. Đó là một trong những nguyên nhân chủ yếu của tình trạng khê đọng đề tài cấp Bộ triển miên. Đội ngũ nghiên cứu của trường chỉ quan tâm đến các đề tài hợp đồng nghiên cứu có kinh phí cao hơn.

Nhận thức được điều đó, từ khi trường có chủ trương hỗ trợ kinh phí nghiên cứu cho các đề tài cấp Bộ thì tình hình mới thay đổi, và nhờ vậy, riêng năm 1995, trường đã nghiệm thu được 6 đề tài cấp Bộ và 5 đề tài cấp nhà nước (trong khi cả năm 93 và 94 chỉ nghiệm thu được 1 đề tài cấp nhà nước và 2 đề tài cấp Bộ).

Như vậy, vấn đề đặt ra cho chúng ta là phải bằng mọi cách nâng cao thu nhập của cán bộ nghiên cứu, tiến tới bằng và vượt thu nhập từ giảng dạy thì mới đẩy mạnh hơn nữa công tác NCKH của trường.

III. PHƯƠNG HƯỚNG CƠ BẢN CỦA NCKH - LĐSX GIAI ĐOẠN 1996 - 2000

Tập trung trên một số mặt chủ yếu sau đây:

1. Nghiên cứu những vấn đề kinh tế cơ bản

Để tạo nền tảng cho sự phát

triển của khoa học kinh tế ở nước ta trong những năm tới, bên cạnh việc nghiên cứu ứng dụng, trường cần đầu tư đúng mức cho việc nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản trong khoa học kinh tế.

2. Các chương trình, đề tài cấp nhà nước

Chủ động tiếp cận với các cơ quan ban ngành trung ương để nắm bắt được những nhu cầu NCKH thời kỳ 1996 - 2000 từ đó xây dựng kế hoạch NCKH của trường, tích cực tham gia đấu thầu nghiên cứu các đề tài, chương trình cấp nhà nước trong lãnh vực kinh tế và quản lý kinh doanh.

3. Các đề tài cấp Bộ

Mạnh dạn đề xuất hướng nghiên cứu trong hệ thống đề tài cấp Bộ, đặc biệt chú trọng nghiên cứu những vấn đề kinh tế cơ bản, phục vụ đổi mới giáo trình và nghiên cứu ứng dụng thực tiễn để nâng cao chất lượng hệ thống chương trình, giáo trình, bài giảng và tài liệu chuyên sâu cho GV, NCS và sinh viên.

Nghiên cứu các đề tài ứng dụng khoa học kinh tế vào thực tiễn phát triển kinh tế ở các vùng, các địa phương, các ngành và các doanh nghiệp của nền kinh tế quốc dân.

Cả hai mặt nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng khoa học kinh tế là hàng loạt đề tài phong phú, đa dạng cần lựa chọn để giải quyết một cách tích cực.

4. Các đề tài cấp trường

Nghiên cứu phục vụ giảng dạy và học tập, đặc biệt là xây dựng hệ thống chương trình môn học cho các giai đoạn, các ngành và chuyên ngành làm cơ sở cho việc biên soạn tài liệu học tập trong điều kiện đổi mới. Trong vài ba năm tới, phải tập trung cao nhất sự nỗ lực của cả trường để biên soạn hệ thống giáo trình phục vụ đổi mới đào tạo.

5. Hướng phát triển các trung tâm NCKH - LĐSX của trường

Tiếp tục củng cố và mở rộng hoạt động của các trung tâm NCKH - LĐSX, đặc biệt là các trung tâm đang hoạt động có hiệu quả. Phải coi đây là thế mạnh của trường đối với các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp trong và ngoài nước. Thông qua các hợp đồng nghiên cứu mà nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của CB - GV đồng thời gắn nhà trường với xã hội.

6. Các đề tài hợp tác quốc tế

Tiếp tục đẩy mạnh và mở rộng hoạt động HTQT với các trường và các tổ chức quốc tế để trao đổi và tiếp nhận công nghệ đào tạo, quản lý trao đổi những vấn đề lý luận cơ bản của kinh tế thị trường.

Hợp tác rộng rãi nhằm tăng cường tiềm lực nghiên cứu khoa học cho đội ngũ GV■